

1. Bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng ta từ năm 1986 đến nay, nền kinh tế nước ta liên tục tăng trưởng với tỷ lệ cao trên 7% trong hơn 20 năm qua (trong 5 năm 2003-2007 GDP tăng bình quân trên 8%/năm). Đời sống nhân dân được tăng lên, thu nhập GDP bình quân đầu người từ 402 USD năm 2000 tăng lên 836 USD năm 2007, số hộ nghèo giảm dần, đời sống nông dân cải thiện rõ rệt, nhiều công trình kinh tế xã hội được hoàn thành, hội nhập sâu rộng với các nước trên thế giới (tổng kim ngạch xuất nhập khẩu VN năm 2007 chiếm 156% GDP),

nhập siêu 5 tỷ USD), nhập siêu chiếm tỷ lệ rất đáng lo ngại 19,8% GDP (lưu ý việc nhập siêu tăng nhanh có yếu tố giá cả thế giới (xăng dầu, sắt thép, sợi bông, chất dẻo...), tăng cao do đồng USD yếu) cán cân vãng lai thâm hụt ở tỷ lệ cao trên 6% GDP ở mức đáng lo ngại...

Kinh tế thế giới đang bước vào giai đoạn suy giảm mạnh 4,9% năm 2007, dự báo xuống 4% năm 2008, thương mại quốc tế giảm mạnh so với năm 2006. Nền kinh tế Mỹ (chiếm ¼ GDP toàn thế giới) đang suy giảm chuyển qua suy thoái, ảnh hưởng đến giá cả nguyên vật liệu, lương thực thực phẩm trên thế giới gia tăng đột biến,



Ảnh Hòa Tấn

LẠM PHÁT

Nguyên nhân và giải pháp

PGS.TS. TRẦN HOÀNG NGÂN & ThS. VÕ THỊ TUYẾT ANH

gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO,... VN được các nước trên thế giới đánh giá tốt và khen ngợi..

Hiện nay nước ta đang đứng trước khó khăn thực sự, chỉ số giá cả tiêu dùng tăng nhanh năm 2007 là 12,63% và 3 tháng đầu năm 2008 tăng trên 9%, đặc biệt là cán cân thương mại năm 2007 thâm hụt lớn, nhập khẩu 62,7 tỷ USD tăng 39,6% so với năm 2006, xuất khẩu 48,6 tỷ USD tăng 21,9%, nhập siêu 14,1 tỷ USD (năm 2006

lạm phát xảy ra ở nhiều nước, thị trường tài chính thế giới thiệt hại khoảng 3.500 tỷ USD. Vì vậy bài toán kiềm chế lạm phát ở nước ta hiện nay là bài toán phức tạp và vô cùng khó khăn, vừa kiềm chế lạm phát, vừa đảm bảo tăng trưởng. Do đó, khi triển khai giải pháp kiềm chế lạm phát, cần có sự đồng thuận và chia sẻ của các cấp, của mọi người, của người đi vay và người cho vay, giữa ngân hàng và doanh nghiệp, giữa Ngân hàng Nhà nước và

ngân hàng thương mại, giữa người gửi tiền và ngân hàng huy động vốn, giữa tổ chức xuất khẩu với tổ chức nhập khẩu, giữa cái riêng và cái chung... Phải sử dụng cả giải pháp “Tây y và Đông y”, giải pháp ngắn hạn (tỷ giá, lãi suất, hạn mức, thất lưng buộc bụng, trợ giá, trợ cấp ...) và dài hạn (kiểm soát tín dụng, chi tiêu công, nâng cao năng lực sản xuất trong nước, tăng năng suất lao động...). Đặc biệt cần bình tĩnh đối phó vì chúng ta đã có nhiều kinh nghiệm chống lạm phát thành công, trong những năm 1986-1988 lạm phát trên 300%/năm, năm 1991 lạm phát là 61,5%, năm 1994 lạm phát là 12,7%.... năm 2007 lạm phát bùng nổ trở lại trên thế giới và VN !

Trong hình 1 cho thấy, từ năm 2004 đến 2007, lạm phát ở VN đã cao hơn các nước láng giềng ngoại trừ Indonesia, một quốc gia đang đối mặt với những vấn đề kinh tế, chính trị nghiêm trọng, năm 2004 CPI là 9,5%, 2005 là 8,4%, năm 2006 là 6,6%. Hiện nay, VN là nước có tỷ lệ lạm phát cao nhất trong các nước Đông Á. Chỉ số giá hàng tiêu dùng (CPI) cho đến tháng 12/2007 đã là 12,63% (tháng 11/2007 là 9,45%) và chỉ trong 3 tháng đầu năm 2008 chỉ số CPI tại nước ta đã lên tới 9,19%. Nguyên nhân tại sao? Giải pháp thế nào để vừa kiềm chế lạm phát vừa đảm bảo tăng trưởng?

2. Nguyên nhân lạm phát tại VN

Trước hết ta xem xét, về mặt lý thuyết lạm phát có thể do các nhóm nguyên nhân:

Lạm phát do chính sách: thường xảy ra do những biện pháp tiền tệ mở rộng, phản ánh thâm hụt thu chi ngân

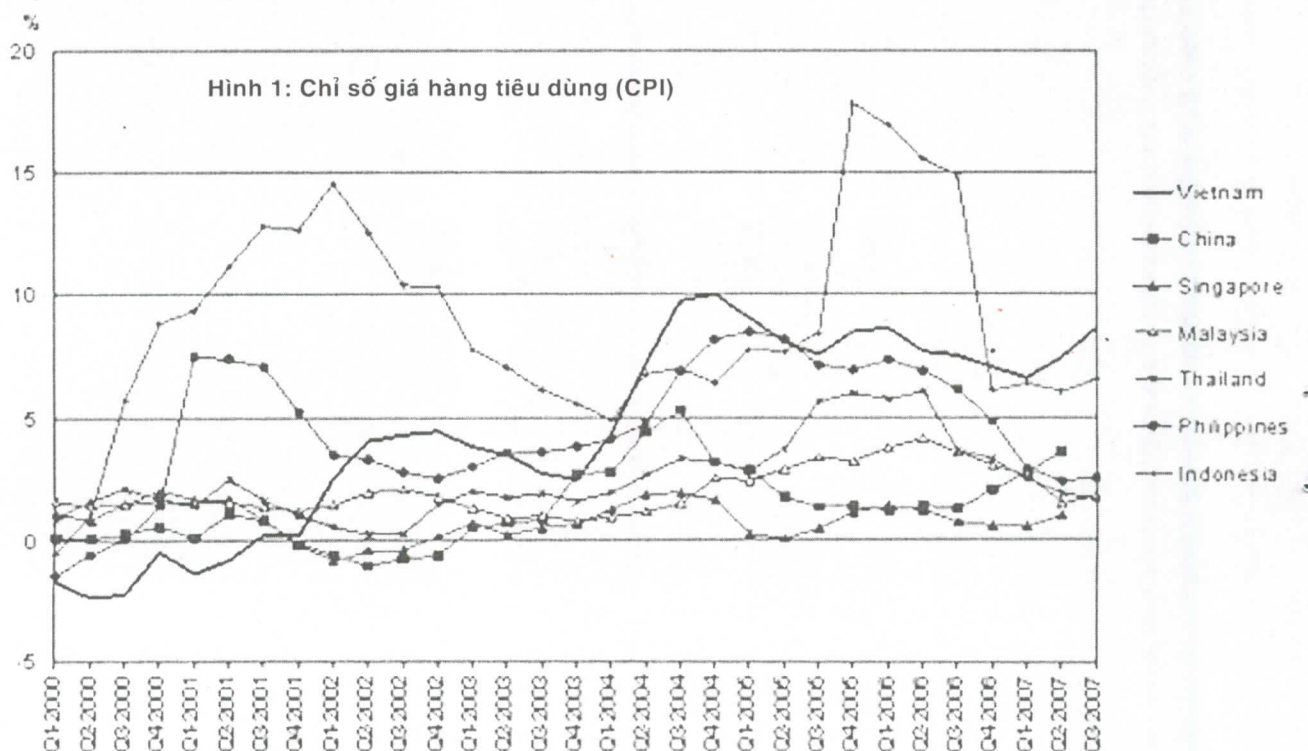
sách lớn và việc tài trợ thâm hụt bằng tiền tệ, thường là cội rễ của lạm phát cao. Một ví dụ kinh điển là những trận siêu lạm phát ở Áo và Đức những năm 20 do mở rộng tiền tệ thái quá.

Lạm phát do chi phí đẩy: xảy ra do tăng chi phí và có thể phát triển ngay cả khi thất nghiệp và việc sử dụng nguồn lực còn thấp. Vì tiền lương (tiền công) thường là chi phí sản xuất quan trọng nhất, sự gia tăng tiền lương không phù hợp với tăng trưởng năng suất có thể khơi mào cho quá trình lạm phát. Nhưng lạm phát do chi phí đẩy có thể không dai dẳng nếu chính sách tiền tệ tác động vào, trong trường hợp đó, tiền lương tăng dẫn tới thất nghiệp cao hơn thay vì lạm phát cao hơn.

Lạm phát do cầu kéo: xảy ra do tổng cầu vượt trội đẩy mức giá chung lên cao. Sự thúc đẩy của cầu có thể xuất phát từ những cú sốc bên trong hay bên ngoài nhưng thường hình thành từ những chính sách thu chi ngân sách hay tiền tệ mở rộng.

Lạm phát trớ trêu (lạm phát quán tính): có xu hướng dai dẳng ở cùng tỷ lệ cho đến khi những sự kiện kinh tế gây ra nó thay đổi. Nếu lạm phát cứ đều đặn, tỷ lệ lạm phát thịnh hành có thể được dự đoán và do đó được đưa vào các hợp đồng tiền lương và tài chính, điều này lại tiếp tục duy trì nó. Tỷ lệ lạm phát quán tính đôi khi ngụ ý lạm phát cơ bản hay cốt lõi.

Thông thường những cú sốc đối với nền kinh tế từ phía cung hay cầu làm cho tỷ lệ lạm phát thực tế di chuyển lên trên hay xuống dưới tỷ lệ lạm phát cơ bản.



Nguồn: IMF, International Financial Statistics

Các cú sốc chính về phía cầu bao gồm sự tăng nhanh của tổng cầu do dự đoán thu nhập sẽ tăng.

Lạm phát do chính sách, lạm phát do cầu kéo được nhận thấy ở nhiều nền kinh tế đang chuyển đổi, là kết quả của những chính sách thu chi ngân sách hạn chế không đầy đủ và việc tài trợ bằng tiền cho thâm hụt ngân sách. Thông thường, những cú sốc bên ngoài như những cú sốc xuất phát từ tăng giá năng lượng hay thu hẹp thương mại với các bạn hàng truyền thống có xu hướng bổ sung cho áp lực lạm phát.

Tại VN, các nguyên nhân phát sinh lạm phát trên đều xuất hiện ở VN với những trọng số khác nhau ở những thời kỳ khác nhau. Năm 2007, là năm mà các nguyên nhân đã tích tụ bấy lâu nay gặp cơn lốc lạm phát thế giới nên bùng nổ lớn. Chúng tôi tạm chia làm hai nhóm nguyên nhân: bên trong và bên ngoài để dễ xem xét khi đưa ra quyết định ngắn hạn và dài hạn.

a. Nguyên nhân bên ngoài:

Cũng như những quốc gia châu Á khác, đồng USD suy yếu trong những năm gần đây đã tạo ra những cú sốc về tăng giá xăng dầu, giá vàng, giá lương thực thực phẩm... từ đó tác động xấu đến giá cả ở VN. Giá cả thị trường thế giới liên tục tăng cao, xăng dầu tăng (giá dầu thô từ 60 USD/thùng đầu năm 2007 tăng lên trên 100 USD/thùng cuối năm 2007), sắt thép tăng 30%, phân bón tăng 20%, lúa mì tăng 60%, sợi, bông, chất dẻo, ... Đồng thời những mặt hàng nước ta xuất khẩu (gạo, cà phê, cao su, hạt tiêu, điều...) cũng xuất với giá tăng rất cao, đặc biệt là giá lương thực phẩm tăng trên 30%, nên giá thu mua cũng tăng, từ đó làm ảnh hưởng lớn đến giá cả chung trong nước, vả lại khi tính chỉ số CPI thì trọng số lương thực thực phẩm ở ta chiếm tỷ lệ cao (42,85%), nhà ở vật liệu xây dựng chiếm 10%, giá xăng dầu trong năm 2007 tăng nhanh, giá vàng thế giới và trong nước tăng rất cao, ảnh hưởng gián tiếp là tác động tâm lý đến các loại giá khác, nên CPI tăng mạnh.

Tổng kim ngạch nhập khẩu của nước ta hiện nay trên 88% so với GDP (Nhập khẩu khoảng 62,7 tỷ USD/ 71,2 tỷ USD) vì nền kinh tế nước ta phụ thuộc rất lớn vào nguyên nhiên vật liệu thế giới. Các nước lớn tỷ lệ này rất thấp như châu Âu khoảng 25-30%, Mỹ 14,54%, Trung Quốc 26,69%... Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2007 là 111,3 tỷ USD chiếm 156% GDP. Vì vậy khi đồng USD mạnh (năm 1991, năm 1997-1998) ta gặp khó khăn (vì nhập siêu), USD yếu như hiện nay ta cũng khó khăn! Tại sao những nước khác ít bị ảnh hưởng? Các nước đã quen với sự tăng giảm của USD, họ hội nhập trước chúng ta nên đã có nhiều kinh nghiệm và cũng đã khủng hoảng

nhiều đợt rồi (1997-1998). Trong năm 2007, để tự vệ các nước chủ động điều chỉnh tỷ giá linh hoạt theo hướng giảm giá USD (kể từ tháng 9/2007) và nâng giá bản tệ nhằm tránh ảnh hưởng lạm phát thế giới, như Thái Lan giảm giá USD 4%, Singapore giảm giá USD 10,45%, Trung Quốc giảm giá USD 8,57%, Thụy sĩ giảm giá USD 16%, Philippine giảm giá USD 14%, Malaysia giảm giá USD 7,25%... Trong khi năm 2007, VN chủ động ổn định tỷ giá để khuyến khích xuất khẩu (tổ chức xuất khẩu lãi cao) hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng...! (Năm 2007, USD tăng giá 0,1% so với VND, trong 3 tháng đầu năm 2008, USD có điều chỉnh giảm khoảng 0,6% so với VND). Vì vậy, việc điều chỉnh tỷ giá theo hướng giảm giá USD là sự điều chỉnh theo tín hiệu thị trường quốc tế, chứ không phải là ta muốn tăng giá VND, vì không có chính phủ nào muốn tăng giá đồng bản tệ. Đơn vị xuất khẩu phải hiểu rằng đó là sự điều chỉnh và phải chia sẻ với khó khăn của nhiều người về căn bệnh lạm phát, điều quan trọng mà đơn vị xuất khẩu kêu to là ngân hàng không mua USD, nên không có VND để thu mua, mua chậm giá càng cao. Hiện nay NHNN đã mua hết nhưng đơn vị không bán nữa vì USD có dấu hiệu tăng giá trong tương lai. Nếu NHNN VN chủ động điều chỉnh tỷ giá linh hoạt theo hướng giảm giá USD từ tháng 9/2007 như nhiều nước, thì việc kiềm chế lạm phát sẽ đỡ tốn kém. Vì trước sự suy giảm kinh tế và hệ thống ngân hàng- tài chính Mỹ đang gặp khó khăn về tín dụng địa ốc, ngày 18/09/2007 FOMC (The Federal Open Market Committee) Ủy ban thị trường mở của FED chính thức quyết định khởi đầu đợt hạ lãi suất của quỹ liên bang (federal funds rate) từ 5,25% xuống 4,75% và đến ngày 18/03/2008 là 2,25%, để tạo thanh khoản cho thị trường tín dụng của các ngân hàng tại Mỹ, hỗ trợ thị trường chứng khoán, ngăn chặn suy thoái, FED đã bơm vài trăm tỷ USD thông qua nghiệp vụ thị trường mở... Ngày 29,30 tháng 4 FED sẽ có cuộc họp quan trọng tiếp theo để xem xét việc có cắt giảm lãi suất hay không?

b. Nguyên nhân bên trong:

- Chính sách tài khóa kém hiệu quả là nguyên nhân rất quan trọng của căn bệnh lạm phát ở nước ta. Để hỗ trợ cho phát triển kinh tế, Chính phủ đã có những kế hoạch chi tiêu nâng cấp cơ sở hạ tầng của đất nước và liên tục bội chi ngân sách trong nhiều năm trên 5% GDP (năm 2007 bội chi khoảng trên 56.000 tỷ đồng). Đầu tư cho tăng trưởng kinh tế là điều cần thiết, nhưng đầu tư kém hiệu quả, đầu tư dàn trải, gây lãng phí lớn trong thời gian dài là nguy hiểm cho nền kinh tế. Công tác xây dựng, thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự án và thiết kế kỹ

thuật quá chậm trễ, thủ tục rườm rà và phức tạp. Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội ở VN trong vài năm gần đây bình quân hàng năm trên 40% GDP và hệ số ICOR là 4,7 (có nghĩa là VN hiện cần 4,7 đơn vị đầu tư để tạo ra một đơn vị tăng trưởng), hệ số này là rất cao so với các nước khác trong khu vực. Tổng cầu tăng, nhưng tổng cung tăng hạn chế nên giá phải tăng.

- Trong năm 2007, và đầu năm 2008 Nhà nước chủ động thực hiện lộ trình điều chỉnh theo giá thị trường đối với một số loại hàng hóa, vật tư cơ bản như: điện, xăng dầu, than,... làm ảnh hưởng đến việc tăng giá các hàng hóa khác.

- Chính sách tiền tệ năm 2007 cũng có những vấn đề cần xem xét, cung tiền (tổng phương tiện thanh toán) tăng nhanh năm 2005 là 23,4%, năm 2006 là 33,6%, năm 2007 là 53,8%, tổng cộng 3 năm cung tiền M2 tăng 134,2%, trong khi 3 năm GDP chỉ tăng 25,09%. Chênh lệch giữa cung tiền tăng trong 3 năm qua (134,5%) với tăng trưởng kinh tế GDP (25,09%) là rất lớn, chắc chắn sẽ đè nặng lên giá cả trong nước, và cuối năm 2007, đầu năm 2008 nó bộc phát mạnh là do có sự cộng hưởng bởi lạm phát quốc tế (USD yếu) và thiên tai.

Nếu dựa vào học thuyết “Định lượng tiền tệ- The quantity theory of money” của Irving Fisher, ta có thể thấy rõ hơn quan hệ của nhân tố: cung tiền (M), tốc độ vòng quay tiền tệ (V), giá cả (P), tổng sản phẩm quốc nội thực-GDP thực (Y), trong phương trình: $MV = PY$. Vì vậy, nếu V, Y không thay đổi thì P (giá cả) sẽ tăng nhanh khi cung tiền M tăng nhanh, hoặc Y (GDP thực) có tăng nhưng tốc độ tăng chậm hơn cung tiền, thì giá cả cũng tăng cao. Vì vậy, giải pháp kiểm soát cung tiền, giảm tổng cầu luôn luôn là liều thuốc chống lạm phát trước tiên được các nước sử dụng, nhưng với mức độ liều lượng khác nhau.

Tổng dư nợ cho vay của toàn hệ thống ngân hàng tăng cao, năm 2006 là +29,7%, năm 2007 tăng dư nợ cao nhất trong nhiều năm qua 43,7%, một số NHTM tăng trên 70%. Các NHTM trong thời gian qua đã cung cấp được một lượng vốn lớn cho các doanh nghiệp trong nền kinh tế để phát triển sản xuất kinh doanh, cho vay tiêu dùng cao, góp phần tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, cùng với sự tăng trưởng nóng của thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản, các NHTM cũng sẵn lòng cho vay đối với những nhà đầu cơ trong lĩnh vực này. Nguồn vốn huy động ngắn hạn của ngân hàng được đổ vào thị trường vốn dài hạn nhiều rủi ro, nếu bong bóng bất động sản có vấn đề thì rủi ro tín dụng là rất lớn (Mỹ đang đau đầu vì tín dụng bất động sản hiện nay). Điều cần lưu ý, một

trong những nguyên nhân dư nợ tín dụng tăng cao trong năm 2007 là do các ngân hàng thương mại tăng vốn điều lệ lên nhanh + 56% (tăng 33.737 tỷ đồng), cuối năm 2006 tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng là 60.419 tỷ đồng, cuối năm 2007 là 94.156 tỷ đồng, thành lập mới nhiều ngân hàng (cần xem xét lại điều kiện thành lập), làm tăng khả năng cho vay và áp lực trả lãi cổ đông, áp lực tăng giá cổ phiếu trên thị trường do năm 2006 giá cổ phiếu đã tăng chóng mặt.

- Trong những năm qua, với những thành tựu phát triển kinh tế nổi bật cùng với chính sách thông thoáng, cởi mở, VN trở thành điểm đến lý tưởng của các nhà đầu tư nước ngoài. Lượng vốn của các nhà đầu tư nước ngoài vào VN liên tục ở mức cao thông qua kênh đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp,... Đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong năm 2007 dự kiến khoảng 10 tỷ USD, đến cuối năm lên trên 20 tỷ USD (đã giải ngân 8 tỷ USD), đầu tư gián tiếp (khoảng 5 tỷ USD), ODA cũng tăng nhanh (4,45 tỷ USD năm 2006, năm 2007 là 5,42 tỷ USD, giải ngân 2 tỷ USD). Kiều hối tăng cao (kiều hối của trên 3 triệu người ở 94 quốc gia gửi về nước năm 2007 đạt 6 tỷ USD); Việt kiều về nước ăn Tết đông hơn tăng khoảng 30%, khách du lịch nước ngoài cũng tăng 17% so với cùng kỳ năm 2007 (ngoại tệ mang vào khoảng 3 tỷ USD). Lượng tiền Ngân hàng Nhà nước tung ra để mua ngoại tệ (tăng tổng cầu) cũng rất lớn (khoảng 160.000 tỷ đồng) với tỷ giá khoảng 16.000 VND/USD để giữ giá USD không làm ảnh hưởng nhiều đến xuất khẩu (khoảng 10 tỷ USD đã được NHNN VN mua vào trong năm 2007). Điều đáng tiếc, nếu chúng ta chủ động nâng giá VND và giảm giá USD theo quy luật cung cầu (cung tăng thì giá có xu hướng giảm, cầu tăng thì giá có xu hướng tăng) thì tình hình sẽ bớt căng thẳng như hiện nay. Nhà đầu tư trong nước hay nước ngoài họ luôn vì mục tiêu lợi nhuận, nên khi có cơ hội thì họ sẵn sàng nhảy vào bán USD giá cao, mua trái phiếu, gửi ngân hàng lãi suất cao và sau đó bán trái phiếu lấy VND mua USD giá hạ... Năm 1997, khi USD mạnh, nhưng các nước Đông Nam Á để tỷ giá cố định, nên đã bị đầu cơ tiền tệ lợi dụng và tàn phá kinh tế. Đồng USD mạnh hay yếu (như hiện nay) đều có cơ hội cho nhà đầu cơ tiền tệ chuyên nghiệp.

- Thiên tai, mưa bão, lũ lụt, những đợt rét đậm, rét hại ở các tỉnh phía Bắc gây thiệt hại nặng nề: con người, tài sản, đất trồng, lương thực thực phẩm và dịch bệnh (SARS, cúm gia cầm) ảnh hưởng đến giá cả thực phẩm... ảnh hưởng đến giảm tổng cung.

- Chi phí sản xuất hàng hóa dịch vụ chưa hợp lý, sức cạnh tranh các sản phẩm trong nước không cao, hiệu quả

kinh tế thấp.

- Thu nhập của dân cư tăng (tăng tiền lương tối thiểu từ năm 2005, 2006, 2007). Việc tăng lương một phần gia tăng tổng cầu, mặt khác tạo tâm lý làm tăng giá các hàng hóa tiêu dùng khác. Điều chỉnh tiền lương cho người lao động là cần thiết trong giai đoạn lạm phát cao, nhưng cần điều chỉnh tiền lương vào những thời điểm ít nhạy cảm (giữa năm).

- Một trong những nguyên nhân cũng góp phần vào mức lạm phát gia tăng tại VN hiện nay là yếu tố tâm lý của người dân, đặc biệt là yếu tố đầu cơ, găm hàng, làm giá rất “kinh nghiệm” của các đơn vị cung cấp hàng hóa dịch vụ, các đại lý bán lẻ tại VN.

3. Các giải pháp hiện nay

- Điều chỉnh mục tiêu kinh tế xã hội nước ta trong ngắn hạn và dài hạn. Xác định việc kiềm chế lạm phát là mục tiêu hàng đầu và cần có lộ trình, chặn sốt (3-6 tháng) và giảm sốt trong 2 đến 3 năm. Năm 2008, chỉ số CPI ở mức 15-16 %, tăng trưởng GDP ở mức 7-8%.

- Cần có quan điểm thống nhất và đồng thuận trong điều hành. Thủ tướng Chính phủ là người chỉ huy bộ máy kiềm chế lạm phát, Thống đốc NHNN và Bộ trưởng Bộ Tài chính là thường trực, Bộ trưởng các Bộ và các cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố là ủy viên. Tất cả các chính sách phải theo đúng mục tiêu trên.

- Làm tốt công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng và Nhà nước, xác định kiềm chế lạm phát là mục tiêu hàng đầu, kiềm chế lạm phát là vì cái chung, vì đại bộ phận nhân dân lao động và vì sự phát triển bền vững và lâu dài của kinh tế xã hội nước ta.

- Sử dụng tổng hợp các biện pháp ngắn hạn mang tính cấp bách và dài hạn.

+ Giải pháp ngắn hạn: Thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, tăng dự trữ bắt buộc, giảm số nhân tiền tệ, tăng lãi suất chiết khấu- tái chiết khấu, tái cấp vốn, giảm cung tiền, kiểm soát dư nợ tín dụng, giảm giá USD theo tín hiệu thị trường quốc tế để hạn chế một phần tác động của lạm phát quốc tế. Cắt giảm và kiểm soát chi tiêu công một cách hiệu quả, kiểm soát dòng vốn quốc tế, kiểm soát nợ ngắn hạn, kiểm soát nhập khẩu bằng nhiều giải pháp phối hợp với hệ thống NHTM, cơ quan thuế và Bộ Công thương, giảm thuế nhập khẩu các mặt hàng chiến lược và những mặt hàng thực phẩm trong nước đang thiếu, tăng thuế tiêu thụ đặc biệt các mặt hàng chưa cần thiết. Chính phủ cần ban hành những sắc lệnh mang tính cấp bách trong giai đoạn khó khăn (không tăng giá điện, giá than, giá xăng dầu, dịch vụ giao thông đi lại...cho đến khi tình hình được kiểm soát), chống đến cùng các nhóm

đầu cơ găm hàng làm giá, buôn lậu (tội phá hoại kinh tế). Trong điều hành kinh tế vĩ mô, Chính phủ cần lưu ý đến bộ ba không thể có: tỷ giá ổn định, tự do di chuyển vốn, chính sách tiền tệ độc lập.

+ Giải pháp dài hạn: Kiểm soát chi tiêu công một cách hiệu quả, cải cách thủ tục hành chính, chống tham nhũng thường xuyên và tích cực. Áp dụng chính sách tiền tệ theo hướng hỗ trợ vốn cho tăng trưởng trên cơ sở kiểm soát tín dụng lành mạnh, điều hành tỷ giá linh hoạt theo hướng mở rộng biên độ và theo tín hiệu thị trường, hạn chế tối đa tình trạng đô la hóa tại VN, sử dụng có hiệu quả các công cụ chính sách tiền tệ theo tín hiệu thị trường trong nước và quốc tế. Kiểm soát nhập siêu, đầu tư cho các lĩnh vực sản xuất thay thế hàng nhập khẩu: nhà máy lọc dầu, xi măng, phân bón, chất dẻo, thức ăn gia súc, vải, giấy,... hỗ trợ xuất khẩu thông qua nhiều giải pháp đồng bộ (chất lượng sản phẩm, mẫu mã, chủng loại hàng, hạ giá thành xuất khẩu, tài trợ tín dụng, hỗ trợ xúc tiến thương mại, chiến lược marketing quốc tế, chất lượng chế biến, uy tín đơn vị xuất khẩu...), cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước, đảm bảo an ninh lương thực, khuyến khích và hỗ trợ tích cực cho việc phát triển nông nghiệp- nông thôn, tăng cường công tác dự báo để có chính sách kịp thời, tăng dự trữ ngoại hối quốc gia...

- Tập trung giải quyết tốt các chủ trương chính sách của Chính phủ đã ban hành và kịp thời tổng kết theo định kỳ để điều chỉnh giải pháp và liều lượng.

Tóm lại, kiềm chế lạm phát không phải là bài toán không có lời giải, vấn đề là cần chấp nhận những thiệt hại nhất định cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, cần có đồng thuận và chia sẻ của Chính phủ, doanh nghiệp và nhân dân. Cần đặt nước ta trong nền kinh tế thế giới để có cái nhìn tổng thể. Các Bộ, ban ngành từ trung ương đến địa phương cần làm hết sức mình, bằng những kế hoạch cụ thể để triển khai các chỉ đạo mà Thủ tướng Chính phủ đã ban hành. Những kết quả tốt đẹp sẽ đến với kinh tế VN nếu có sự đoàn kết và quyết tâm cao theo một đường lối thống nhất của Đảng và Nhà nước ta ■

Tài liệu tham khảo

- Sách Money and Banking, Kinh tế học của David Begg.

- Các bạn có thể vào trang web www.exchangerate.com, www.federalreserve.gov, www.chinhphu.vn để tìm hiểu thêm vấn đề này.